

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-PT

Ngày: 16/01/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Anh

- Các Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Ông Cao Văn Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa phúc thẩm, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2017/TLPT – DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2017/QĐ-PT ngày 11/12/2017 giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Việt Nam T.**

Trụ sở: 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T - sinh năm 1992. Địa chỉ: 77 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (văn bản ủy quyền số 155/2017/UQ-GDK-TDTD ngày 16/3/2017). Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn C** - sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: 32 Đ, Phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người kháng cáo: Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1/ Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Hoàng Thị T trình bày:

Ngày 20.9.2013 Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T (Sau đây gọi tắt là VP Bank) và ông Nguyễn C có ký đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20130921-142006-0003 (Sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng). Theo thỏa thuận trong hợp đồng, VP Bank cho ông C vay số tiền 59.850.000 đồng (trong đó có 2.850.000 đồng là tiền đóng bảo hiểm hợp đồng) với lãi suất 2.91%/tháng để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 36 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 98.564.000 đồng, trả vào ngày 01 hàng tháng, trong đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.708.000 đồng, bắt đầu từ ngày 01.11.2013, tháng cuối cùng trả 3.784.000 đồng. Ông C đã nhận đủ số tiền trên.

Thực hiện hợp đồng, ông C đã thanh toán cho VP Bank 21 kỳ với tổng số tiền 56.868.000 đồng. Kể từ ngày 04.01.2016 ông C không thanh toán nữa dù VP Bank đã nhiều lần nhắc nhở nên VP Bank đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C phải thanh toán số tiền còn nợ là 41.696.000 đồng trong đó nợ gốc là 31.345.065 đồng và nợ lãi là 10.350.935 đồng. Sau khi VP Bank nộp đơn khởi kiện thì ngày 13.4.2017 ông C có thanh toán thêm một kỳ là 2.708.000 đồng, khoản tiền này VP Bank đồng ý trừ vào nợ gốc. Tính đến nay, ông Nguyễn C còn nợ VP Bank tổng số tiền là 38.988.000 đồng trong đó nợ gốc là 28.637.065 đồng và nợ lãi là 10.350.935 đồng. Do đó, VP Bank yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn C phải trả toàn bộ số nợ 38.988.000 đồng cho VP Bank.

Bị đơn – ông Nguyễn C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa nhiều lần đối với ông Nguyễn C theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông C đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt. Tòa án nhân dân quận H đã căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

2/ Quyết định của bản án sơ thẩm:

- Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 217 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T yêu cầu ông C phải trả tổng số tiền: 38.988.000 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm tám mươi tám ngàn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.708.000 đồng do nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện.

3. Án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T phải chịu là 1.949.400 đồng nhưng được khấu trừ 1.042.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T đã nộp tại biên lai thu số 0005897 ngày 29.3.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng. Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T còn phải nộp 907.400 đồng (Chín trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

3/ Nội dung kháng cáo:

Ngày 02/10/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn C phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 33.572.000đ (trong đó số tiền gốc: 25.098.316đ, tiền lãi: 8.473.684đ).

Ngày 06/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn – ông Nguyễn C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt ông C.

[2] Theo Ngân hàng TMCP Việt Nam T trình bày: Ngày 20.9.2013, ông Nguyễn C đã ký vào đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20130921-142006-0003 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với VP Bank. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, VP Bank đã cho ông C vay số tiền 59.850.000 đồng (trong đó có 2.850.000 đồng là tiền đóng bảo hiểm hợp đồng) với lãi suất 2.91%/tháng để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 36 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 98.564.000 đồng, trả vào ngày 01 hàng tháng, trong đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.708.000 đồng, bắt đầu từ ngày 01.11.2013, tháng cuối cùng trả 3.784.000 đồng. Theo VP Bank trình bày trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã không trả nợ cho VP Bank như đã cam kết nên VP Bank khởi kiện yêu cầu ông C phải trả tổng số tiền: 38.988.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T về việc yêu cầu ông C phải trả tổng số tiền: 38.988.000 đồng. Không đồng ý với quyết định này của Tòa án cấp sơ thẩm, đồng thời do sau khi có bản án sơ thẩm bị đơn đã trả thêm được 5.416.000đ nên nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn trả số tiền 33.572.000đ, Viện kiểm sát nhân dân quận H kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam T, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài các tài liệu chứng minh tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T chỉ cung cấp cho Tòa án Hợp đồng tín dụng kèm theo bảng kế hoạch trả nợ và lịch sử thanh toán của ông Nguyễn C. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp không có xác nhận nào của ông Nguyễn C về việc nhận nợ và trả nợ nên đã xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã có chứng cứ mới là giấy lĩnh tiền có số bút toán TT1326807023 ngày 25/9/2013 thể hiện rõ nội dung ông Nguyễn C đã nhận số tiền 57.000.000đ giải ngân CF theo hồ sơ 20130921-142006-0003 như đơn khởi kiện của Ngân hàng Việt Nam T. Như vậy với chứng cứ mới này đã có đủ cơ sở để chứng minh việc hai bên đã giao kết và đã thực hiện hợp đồng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận H theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Xét đề nghị của VKS là phù hợp với quan điểm và nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Do được chấp nhận kháng cáo nên Ngân hàng TMCP Việt Nam T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng. *Xử:*

1. Buộc ông Nguyễn C phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 33.572.000đ (trong đó số tiền gốc: 25.098.316đ, tiền lãi: 8.473.684đ).

Lãi tiếp tục được tính theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 20130921-142006-0003 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Nguyễn C.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn C phải chịu là 1.949.400 đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí 1.042.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005897 ngày 29.3.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 9780 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Q.H, TP ĐN;
- Chi cục THA Q. H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Anh

